

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 465 /VKSTC-V10

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021

V/v Khai thác, thực hiện Kế hoạch  
tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số  
10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện  
trưởng VKSND tối cao

Kính gửi:

- Văn phòng VKSND tối cao; Vụ 9; Vụ 14; Cục 2; Trường ĐHKH Hà Nội; Trường ĐT, BD NVKS tại TP. Hồ Chí Minh;
- Viện trưởng VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- Viện trưởng VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung Ương;

Ngày 03/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Kế hoạch số 12 Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng VKSNDTC. Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10) đề nghị Thủ trưởng các đơn vị thuộc VKSND tối cao; Viện trưởng VKSND cấp cao 1, 2, 3; Hiệu trưởng Trường Đại học kiểm sát Hà Nội; Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát tại TP. Hồ Chí Minh; Viện trưởng VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khai thác “Kế hoạch số 12 Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng VKSNDTC” tại mục Thông báo, trên Cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao, website: vksndtc.gov.vn để tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo VKSND tối cao (để b/c);
- Văn phòng VKSND tối cao (Phòng Tham mưu - tổng hợp);
- Lãnh đạo Vụ 10;
- Lưu: VT, V10.

*Vùng*

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG  
VỤ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN  
HÀNH CHÍNH, VỤ VIỆC KINH DOANH, THƯƠNG MẠI,  
LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC THEO  
QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Đoàn Văn Thắng**



Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-VKSTC ngày 31/12/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao về công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2021; Kế hoạch số 01/KH-VKSTC ngày 05/01/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao về nhiệm vụ trọng tâm công tác của VKSND tối cao năm 2021;

Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao xây dựng Kế hoạch tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC ngày 06/4/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về “*Tăng cường công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ việc dân sự, vụ án hành chính*” (sau đây viết tắt là Chỉ thị số 10/CT-VKSTC), như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Thông qua công tác tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC nhằm đánh giá thực trạng công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây viết tắt là công tác kháng nghị); Kết quả tổ chức thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC; công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, các biện pháp, giải pháp thực hiện nhiệm vụ mang tính đột phá trong công tác kháng nghị; nhằm nâng cao chất lượng công tác kháng nghị hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Quốc hội và của Ngành đã đề ra.

- Kiến nghị, đề xuất và đưa ra các giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc và những tồn tại, hạn chế; tăng cường sự chỉ đạo của lãnh đạo VKSND cấp trên đối với VKSND cấp dưới từ thực trạng công tác kháng nghị.

##### 2. Yêu cầu

Việc tổng kết đảm bảo nghiêm túc, đúng nội dung, tiến độ đề ra; đánh giá đầy đủ, chính xác, khách quan. Thông qua đó, làm rõ những kết quả đã đạt được về công tác kháng nghị; chỉ ra những hạn chế, thiếu sót, nguyên nhân, trách nhiệm của cá nhân, tập thể; những vấn đề vướng mắc, khó khăn để nghiên cứu báo cáo lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo.





## II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC TỔNG KẾT

### 1. Nội dung tổng kết

- Tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC trong ngành Kiểm sát nhân dân trong 05 năm.

- Kết quả 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC của VKSND các cấp về công tác kháng nghị.

- Những khó khăn, vướng mắc trong công tác kháng nghị và những giải pháp, kiến nghị khắc phục.

### 2. Hình thức tổng kết

VKSND cấp cao; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc tổng kết, tổng hợp Báo cáo tổng kết theo Đề cương (gửi kèm Kế hoạch này, thời điểm lấy số liệu từ ngày 01/7/2016 đến 30/11/2020) gửi VKSND tối cao (Vụ 10) để tổng hợp xây dựng Báo cáo tổng kết chung trong toàn Ngành.

VKSND tối cao tổ chức Hội nghị tổng kết trong toàn ngành Kiểm sát nhân dân.

## III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. VKSND cấp huyện xây dựng báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC gửi VKSND cấp tỉnh trước ngày **28/02/2021**.

2. VKSND cấp tỉnh tổng hợp báo cáo tổng kết của VKSND cấp huyện để xây dựng báo cáo tổng kết gửi về VKSND tối cao (Vụ 10) trước ngày **15/3/2021**. Đồng thời, gửi bản mềm về hộp thư điện tử **vp\_v10@vks.gov.vn**. (số liệu về dân sự - hôn nhân và gia đình gửi Vụ 9 VKSND tối cao để tổng hợp, đồng thời gửi bản mềm về hộp thư **vp\_v9@vks.gov.vn**)

3. VKSND cấp cao tổng hợp xây dựng báo cáo tổng kết theo đề cương gửi về Vụ 10 trước ngày **15/3/2021**. (số liệu về dân sự - hôn nhân và gia đình gửi Vụ 9 VKSND tối cao để tổng hợp đồng thời gửi bản mềm về hộp thư **vp\_v9@vks.gov.vn**)

4. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (T2), Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát tại Thành phố Hồ Chí Minh (T3) thông qua công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng Báo cáo về giải pháp nâng cao chất lượng công tác kháng nghị.

5. Vụ Kiểm sát việc giải quyết các vụ, việc dân sự, hôn nhân và gia đình (Vụ 9) VKSND tối cao xây dựng báo cáo tổng kết công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình của toàn Ngành



6. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học (Vụ 14) có trách nhiệm xây dựng Báo cáo tổng kết về xây dựng văn bản hướng dẫn công tác kháng nghị; việc quán triệt, và giải đáp vướng mắc về công tác kháng nghị.

Các báo cáo của T2, T3, Vụ 9, Vụ 14 gửi về Vụ 10 trước ngày **30/3/2021**

7. Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin chịu trách nhiệm cung cấp số liệu thống kê theo đề cương báo cáo gửi cùng Kế hoạch này về Vụ 10 trước ngày **30/3/2021**.

8. Vụ 10 trên cơ sở Báo cáo của các đơn vị, tổng hợp xây dựng Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC toàn Ngành và hoàn thành trước ngày **15/4/2020** để trình lãnh đạo VKSND tối cao.

Các đơn vị căn cứ Kế hoạch này xây dựng Báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo VKSND tối cao (Vụ 10 - đồng chí Trần Thị Luận, KSVTC, Trưởng phòng; SĐT: 024.38255058/số máy lẻ: 814102) để được hướng dẫn kịp thời./. *Đam*

**Nơi nhận:**

- Đ/c Viện trưởng VKSNDTC (để b/cáo);
- Các đ/c PVT VKSNDTC (để p/hợp chỉ đạo);
- Kiểm sát viên VKSND tối cao phụ trách;
- Hiệu trưởng T2, T3 (để thực hiện);
- Viện trưởng VCC 1, 2, 3 (để thực hiện);
- VKSND các tỉnh, TP thuộc TW (để thực hiện);
- Văn phòng VKSTC (Phòng Tổng hợp);
- Vụ 9, Vụ 14, Cục 2 (để phối hợp thực hiện);
- Lưu VT, V10.

**KT. VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



**Nguyễn Duy Giảng**



## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Ban hành kèm theo Kế hoạch số 12/KH-VKSTC ngày 03 tháng 02 năm 2020  
của Viện kiểm sát nhân dân tối cao  
(Thời điểm Báo cáo từ 01/7/2016 đến hết ngày 30/11/2020)**

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 10/CT-VKSTC**

#### **1. Việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC**

Đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, chuyên viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động (sau đây viết tắt là công tác kháng nghị).

#### **2. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành việc triển khai, thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC**

##### **2.1. Tình hình tổ chức bộ máy thực hiện công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động**

Nêu rõ số lượng biên chế; công tác tự đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Chuyên viên làm công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong thời gian qua đã đáp ứng được những yêu cầu nhiệm vụ đề ra?

##### **2.2. Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành**

- VKSND cấp huyện, cấp tỉnh đã tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo việc chấp hành pháp luật về giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trên địa bàn (nếu có).

- Nêu rõ kết quả xây dựng và ban hành Hướng dẫn công tác đối với VKSND cấp huyện; Chương trình công tác của VKSND hai cấp. Những giải pháp đổi mới, nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kháng nghị.

*Nêu rõ số lượng, loại văn bản đã ban hành để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ công tác kháng nghị.*

### **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 10/CT-VKSTC**

#### **1. Đánh giá tình hình chung tranh chấp hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động**

#### **2. Kết quả công tác thụ lý, giải quyết (đề nghị tách riêng theo từng loại**

*Tam*



vụ việc)

**2.1. Kết quả kiểm sát giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động theo thủ tục sơ thẩm (Theo Biểu số 01)**

- Tổng thụ lý: ..... (Số cũ chuyển sang .....; số thụ lý mới: ....)

+ Cấp huyện: ..... ; cấp tỉnh: .....

- Đã xử lý và giải quyết: .....

+ Đình chỉ: .....

+ Công nhận sự thoả thuận/ công nhận đối thoại thành: .....

+ Số vụ, việc Tòa án đưa ra xét xử hoặc mở phiên họp: .....

- Số còn lại: ..... Trong đó: Tạm đình chỉ xét xử: .... vụ việc (...%)

\* Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát: ..... ; Số bản án, quyết định có vi phạm: .....; VKS ban hành ..... kiến nghị.

**2.2. Kết quả kiểm sát giải quyết các vụ án hành chính, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động theo thủ tục phúc thẩm (Theo Biểu số 02)**

- Số vụ việc VKS kháng nghị phúc thẩm: trong đó:

+ Kháng nghị phúc thẩm cùng cấp: .....

+ Kháng nghị phúc thẩm trên cấp: .....

- Tổng vụ việc VKS đã thụ lý: .....

- Tòa án đã giải quyết: .... (đạt tỷ lệ ..% so với tổng thụ lý). Trong đó:

+ Đình chỉ xét xử: ..... vụ việc (...%)

+ Xét xử: ..... vụ việc; Trong đó số vụ việc Viện kiểm sát kháng nghị: .... vụ việc, Tòa án đã đưa ra xét xử: ..... vụ việc, chấp nhận ..... kháng nghị (đạt ...%); không chấp nhận ..... kháng nghị (chiếm ....%)

Trong tổng số vụ xét xử: Tòa phúc thẩm xử hủy án sơ thẩm: .... vụ việc = .... %; sửa án sơ thẩm: .... vụ việc = .... %; Có .... vụ việc (chiếm ... %) thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

\* Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát: ..... ; Số bản án, quyết định có vi phạm: .....; VKS ban hành ..... kiến nghị.

- Còn lại: .... vụ việc. Trong đó: Tạm đình chỉ xét xử: .... vụ việc (...%)

**2.3. Kết quả kiểm sát giải quyết vụ án hành chính, việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (Theo Biểu số 03)**

Tam



**\* Công tác thụ lý, giải quyết án**

- Tổng số vụ Viện kiểm sát đã thụ lý: .....
- Tổng số vụ VKS đã giải quyết: .....; Trong đó:
  - + Số vụ việc thông báo không kháng nghị: .....
  - + Số vụ việc Viện kiểm sát kháng nghị: .....
- Còn lại: ..... vụ.

**\* Công tác xét xử**

Số vụ Tòa án đã đưa ra xét xử: ....., trong đó: Viện kiểm sát kháng nghị: ..... vụ; Tòa án chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát: ..... vụ = % (chỉ tiêu của Ngành đề ra chưa).

**\* Công tác thụ lý giải quyết đơn**

**3. Kết quả công tác kháng nghị**

Qua công tác kiểm sát, Viện kiểm sát đã phát hiện được ..... bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm / tổng số..... bản án, quyết định của Tòa án chuyển sang. Trong đó:

- Bản án, quyết định hành chính:
- Bản án, quyết định dân sự, hôn nhân và gia đình:
- Bản án, quyết định kinh doanh thương mại:
- Bản án, quyết định lao động:

**3.1. Số liệu kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm (dành cho VKSND cấp huyện, cấp tỉnh, cấp cao)**

- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp/ tổng số bản án, quyết định Tòa án đã giải quyết: ....
- Số kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp/ tổng số bản án, quyết định Tòa án đã giải quyết: ....
- Số kháng nghị Viện kiểm sát rút..., bao gồm:
  - + Do đương sự rút đơn khởi kiện, rút kháng cáo đúng quy định của pháp luật.
  - + Do quy định mới của pháp luật làm thay đổi tính chất vi phạm của Tòa án, nội dung đã được giải quyết tại bản án, quyết định bị kháng nghị.
  - + Do kháng nghị của Viện kiểm sát không có căn cứ pháp luật, trong đó: (Viện kiểm sát cùng cấp rút: .....; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp rút: .....) TAM



- Số kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã được xét xử xong theo thủ tục phúc thẩm (đạt tỷ lệ %): ...

- Số kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã được xét xử xong theo thủ tục phúc thẩm (đạt tỷ lệ %): ....

- Số kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp không được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã được xét xử xong theo thủ tục phúc thẩm (đạt tỷ lệ %), lý do.

- Số kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã được xét xử xong theo thủ tục phúc thẩm (đạt tỷ lệ %), lý do: ....

- Số kháng nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận sửa án/ tổng số bản án, quyết định bị Hội đồng xét xử sửa án (trừ trường hợp các đương sự thỏa thuận với nhau): .....

- Số kháng nghị của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận hủy án/ tổng số bản án, quyết định bị Hội đồng xét xử hủy án: .....

### ***3.2. Số liệu kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (dành cho các VKSND cấp cao, VKSND tối cao)***

- Số kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của VKS đã ban hành/ tổng số bản án, quyết định bị kháng nghị (tỷ lệ %): .....

Số kháng nghị Viện kiểm sát rút:

+ Do đương sự rút đơn đề nghị kháng nghị và việc giải quyết vụ án không có vi phạm khác gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

+ Do quy định mới của pháp luật làm thay đổi tính chất vi phạm của Tòa án, nội dung đã được giải quyết tại bản án, quyết định bị kháng nghị.

+ Do kháng nghị của Viện kiểm sát không có căn cứ pháp luật.

+ Lý do khác.

- Số kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã xét xử (tỷ lệ %).

- Số kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát không được chấp nhận/ tổng số kháng nghị đã xét xử (tỷ lệ %), lý do.

- Số kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát được chấp nhận/ tổng số bản án, quyết định bị xét xử hủy, sửa.

## **4. Kết quả công tác khác**

4.1. Công tác ban hành kiến nghị, chất lượng kiến nghị và tỷ lệ kiến nghị được tiếp thu.

*Tam*



4.2. Công tác theo dõi, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ thuộc thẩm quyền.

4.3. Số lượng, chất lượng Thông báo rút kinh nghiệm.

4.4. Công tác tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm.

4.5. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng văn bản.

4.6. Việc triển khai, thực hiện chỉ tiêu nghiệp vụ của Ngành: Nêu kết quả thực hiện và so sánh với chỉ tiêu Quốc hội giao theo quy định tại Nghị quyết số 96/NQ/2019-QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội; Quyết định số 139/QĐ-VKSTC ngày 29/4/2020 của Viện trưởng VKSND tối cao.

## **5. Những kinh nghiệm**

Kinh nghiệm phát hiện vi phạm, tích lũy vi phạm và thực hiện quyền kháng nghị, bao gồm:

- Kinh nghiệm phát hiện vi phạm
- Kinh nghiệm tích lũy, lưu giữ tài liệu vi phạm
- Kinh nghiệm thu thập tài liệu, chứng cứ để thực hiện quyền kháng nghị
- Kinh nghiệm xây dựng bản kháng nghị: Nội dung, dẫn chứng vi phạm của Tòa án, lập luận của Viện kiểm sát để bảo vệ kháng nghị
- Kinh nghiệm đưa ra tài liệu chứng cứ, lập luận để bảo vệ kháng nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.
- Kinh nghiệm khác.

## **7. Đánh giá việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-VKSTC**

### **7.1. Ưu điểm**

Đánh giá kết quả đã đạt được, trong đó nêu cụ thể những kết quả nổi trội đã đạt được ...

### **7.2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân**

- Nêu, đánh giá những khó khăn, hạn chế trong công tác kháng nghị của Viện kiểm sát các cấp;
- Nguyên nhân của khó khăn, hạn chế (nguyên nhân khách quan; nguyên nhân chủ quan).

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **1. Đề xuất:**

- Giữ nguyên Chỉ thị;
- Sửa Chỉ thị; bổ sung Chỉ thị (*sửa điểm nào? Lý do?*)

*Pam*



## **2. Kiến nghị**

Nêu đề xuất, kiến nghị của đơn vị để khắc phục khó khăn, hạn chế, vướng mắc. Nêu những giải pháp, biện pháp mà đơn vị sẽ thực hiện để khắc phục khó khăn, hạn chế để nâng cao công tác kháng nghị nhằm thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-VKSTC./.

**Lưu ý:** Đối với Viện kiểm sát cấp tỉnh tập hợp số liệu của 2 cấp theo Biểu thống kê số 1 và 2 (cấp tỉnh và cấp huyện có tổng cộng chung); VKSND cấp cao tập hợp theo Biểu thống kê số 2 và 3.

---



STT	VKS tỉnh, thành phố	KIỂM SÁT VIỆC THÔNG BÁO THỦ LÝ CỦA TÒA ÁN				KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN					KIỂM SÁT CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN							Số vụ việc VKS kiến nghị	Số vụ, việc còn lại		Số lần VKS kiến nghị	Được chấp nhận	Không được chấp nhận
		Số vụ, việc cũ	Số vụ, việc mới	Số vụ, việc tòa án chuyển tòa án khác	Tổng số vụ việc (C1+C2-C3=C4)	Tổng số vụ, việc tòa án đã giải quyết	Trong đó: số vụ, việc				Tổng số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	Trong đó							Tổng số (C4-C5=C19)	Trong đó, số vụ, việc tạm đình chỉ			
							TA đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận cầu các đương sự	Tòa án đã ra quyết định đình chỉ	Tòa án đã xét xử	Tr. đó, KSV tham gia phiên tòa hoặc tham gia họp		Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm	Số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm	Số vụ, việc VKS đề nghị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm	Số vụ, việc VKS báo cáo k/ng nghị theo thủ tục GĐT	Trong đó, KN đối với							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1																							
2																							
3																							
Tổng cộng																							

....., ngày..... tháng ..... năm 2021

Lưu ý: Tách riêng từng loại vụ việc theo từng biểu (DS-HC-KDTM-LĐ); tách riêng biểu sơ thẩm cấp huyện và biểu sơ thẩm cấp tỉnh

*Pam*



THỐNG KÊ KIỂM SÁT GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HC - DS - HNGĐ - KDTM - LĐ THEO THỦ TỤC PHỨC THẨM  
(Số liệu từ 01/7/2016 đến 30/11/2020)

STT	VKS tỉnh, thành phố	VIỆN KIỂM SÁT THỤ LÝ					KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CỦA TÒA ÁN														KIỂM SÁT CÁC BAN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TA				Số việc còn lại		Số lần VKS kiến nghị	Được chấp nhận	Không được chấp nhận									
		Số việc cũ	Số việc mới	Số vụ, việc tòa án chuyển tòa án khác	Tổng số vụ việc (C1+C2-C3=C4)	Trong đó: số việc VKS kháng nghị	Tổng số việc tòa án đã giải quyết (C7+C13+C14=C6)	Trong đó														Số bản án, quyết định VKS đã kiểm sát	Số bản án, quyết định VKS phát hiện có vi phạm	Số việc VKS báo cáo đề nghị kháng nghị Giám đốc thẩm, tái thẩm	Số việc VKS kiến nghị	Tổng số (C4-C6=C25)				Trong đó số việc tạm đình chỉ								
								Trong đó, số việc					Trong đó, số việc																									
								Số việc tòa án đã mở phiên họp	VKS kháng nghị	Tr.đó: TA chấp nhận kháng nghị của VKS	Giữ nguyên quyết định sơ thẩm	Sửa quyết định sơ thẩm	Hủy quyết định sơ thẩm	Số việc tòa án đã ra quyết định đình chỉ	Số việc tòa án đã xét xử	VKS kháng nghị	Tr.đó: TA chấp nhận kháng nghị của VKS	Giữ nguyên quyết định sơ thẩm	Sửa quyết định sơ thẩm	Hủy quyết định sơ thẩm	Tr.đó: Sửa bản án sơ thẩm do sự thỏa thuận của đương sự																	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29										
1	A																																					
2	B																																					
...	...																																					
Tổng cộng		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

....., ngày..... tháng ..... năm 2021

Lưu ý: Tách riêng từng loại vụ việc, tranh chấp theo từng biểu (DS-HC-KDTM-LĐ); tách riêng biểu phức thẩm cấp tỉnh và biểu phức thẩm cấp cao

*Tan*



